SAO Y; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước; Thời gian ký: 03/07/2023 16:21:36 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 220 /BC-UBND	*Bình Phước, ngày 03 tháng 7 năm 2023*

BÁO CÁO
Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Báo cáo thẩm tra số 39/BC-HĐND-KTNS ngày 19/6/2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

UBND tỉnh nhận được Báo cáo thẩm tra số 39/BC-HĐND-KTNS ngày 19/6/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về báo cáo thẩm tra các dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thứ 11 (giữa năm 2023), Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X,

UBND tỉnh báo cáo tiếp thu và giải trình về dự thảo Nghị quyết *"Thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2023 và điều chỉnh tên, diện tích các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022"* như sau:

Tại điểm b, mục 6 của Báo cáo thẩm tra, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung một số nội dung sau:

1. Phân tích, làm rõ căn cứ pháp lý đề xuất danh mục dự án Khu công nghiệp và dân cư Becamex - Bình Phước (thị xã Chơn Thành) với diện tích 9,79 ha đất trồng lúa vì Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh đã thông qua danh mục thu hồi đất đối với dự án khu công nghiệp và dân cư Becamex - Bình Phước với diện tích 2.009 ha đất cây lâu năm.

Qua rà soát dự án của Công ty Becamex đã được thông qua tại Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 với diện tích 2.009 ha đất cây lâu năm. Thực tế trong tổng diện tích 2.009 ha được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua có 9,79 ha đất LUK, do đó UBND tỉnh xin phép chuyển danh mục này sang danh mục cần điều chỉnh (theo đó điều chỉnh Loại đất thu hồi từ CLN thành CLN và LUK).

2. Xem xét tính phù hợp đối với căn cứ pháp lý của 02 dự án cải tạo môi trường, nạo vét suối, chống sạt lở, đường giao thông, trồng cây xanh, kè mái ta luy Bến Đình, Suối Đôi (thị xã Chơn Thành) vì theo nội dung Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 và Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của UBND thị xã Chơn Thành, thời gian thực hiện các dự án từ năm 2015 - 2017.

Qua rà soát lại, 02 dự án đã được giao nguồn vốn tại Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND thị xã Chơn Thành về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là phù hợp (mục B.III.4.4 và B.III.4.5 biểu chi tiết kèm theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 05/8/2022). Do đó, UBND tỉnh kính đề nghị Ban Kinh tế ngân sách - Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép giữ lại 02 danh mục nêu trên tại dự thảo Nghị quyết.

3. Đề nghị bổ sung nguồn vốn thực hiện của tất cả các dự án trong danh mục. Đồng thời, cung cấp số liệu về nguồn vốn của các dự án đảm bảo chính xác theo các văn bản giao vốn của cấp thẩm quyền đã ban hành.

Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường đã rà soát và điều chỉnh lại cho phù hợp.

Trên đây là Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm tra của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết "Thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2023 và điều chỉnh tên, diện tích các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022", kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

(Gửi kèm dự thảo Nghị quyết đã chỉnh sửa)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- LĐVP, Phòng: KT, TH;
- Lưu: VT **(Đ.Thắng BC 06).**

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2023/NQ-HĐND	*Bình Phước, ngày tháng năm 2023*

Dự thảo đã được chỉnh sửa theo ý kiến thẩm tra của Ban KTNS - HĐND tỉnh

NGHỊ QUYẾT

Thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2023 và điều chỉnh tên, diện tích các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 39/BC-HĐND-KTNS ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Ban kinh tế ngân sách - Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2023 và điều chỉnh tên, diện tích các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022, cụ thể như sau:

1. Thông qua danh mục bổ sung mới 99 dự án cần thu hồi đất năm 2023 với tổng diện tích 940,80 ha vì mục đích quốc phòng, an ninh và để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

(có Phụ lục 01 kèm theo)

2. Điều chỉnh tên, diện tích 08 danh mục đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022.

(có Phụ lục 02 kèm theo)

Điều 2. Các nội dung khác không được bổ sung, điều chỉnh tên, diện tích thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X kỳ họp thứ 11 thông qua ngày..... tháng..... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày.... tháng..... năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TU, TT. HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- LĐVP, Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT.

Phụ lục 01: DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Căn cứ pháp lý
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW…)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW…)	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)= (7) + … + (12)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
I	**Thị xã Phước Long**	**112.40**										
1	Mở rộng mặt đường, xây dựng hệ thống thoát nước, vỉa hè, hệ thống chiếu sáng đường đi Đăk Son	0.02	CLN	Phường Long Thủy	10,000.00		297			9.703		Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 06/7/2021 của HĐND thị xã Phước Long
2	Nâng cấp, mở rộng mặt đường, xây dựng HTTN, vỉa hè, hệ thống chiếu sáng đường bên hông nhà Thiếu Nhi và các nhánh rẽ	0.12	CLN	Phường Long Thủy	10.000		50			9.950		Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 06/7/2021 của HĐND thị xã Phước Long
3	Đầu tư công viên phường Long Thủy	0.26	TM, DV	Phường Long Thủy	8,000.00		650.00			7,350.00		Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 06/7/2021 của HĐND thị xã Phước Long
4	Nạo vét cải tạo lòng hồ Đắk Krat điều tiết chống ngập úng, thị xã Phước Long	26.00	CLN	Phường Long Phước	100,000.00		12,000.00			88,000.00		Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 của HĐND thị xã Phước Long

5	Xây dựng đường kết nối từ Long Điền đến đường Vành đai 1	86.00	CLN	Phường Long Phước	60,000.00		24,000.00			36,000.00		Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 của HĐND thị xã Phước Long
II	**Thị xã Bình Long**	**4.80**										
1	Nạo vét suối đoạn khu phố Phú Thuận và một phần khu phố Phú Xuân, phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long	3.27	CLN	Phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long	5,320.00						5,320.00	Quyết định số 4673/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND thị xã Bình Long
2	Nạo vét suối khu phố Phú Xuân, khu phố Phú Thuận, phường Phú Thịnh	1.22	CLN	Phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long	1,500.00						1,500.00	Quyết định số 2949/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND thị xã Bình Long
3	Đường dây 110kV Trạm 220kV Bình Long 2 – Bình Long	0.31	CLN	Xã Thanh Lương, xã Thanh Phú, phường Phú Thịnh	11,573.00			11,573.00				- QĐ số 2780/QĐ-EVNSPC, ngày 31/12/2022 TCT Điện lực miền Nam V/v Phê duyệt giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2023 cho Ban QLDALĐMN.
III	**Thị xã Chơn Thành**	**119.70**										
1	Công trình nâng cấp, mở rộng đường tổ 6, khu phố 8, phường Hưng Long	0.50	CLN	Phường Hưng Long	6,000.00		6,000.00					Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND huyện Chơn Thành về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

2	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 7 - tổ 9, khu phố Hiếu Cảm, phường Hưng Long	5.00	CLN	Phường Hưng Long	49,000.00		49,000.00					Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND huyện Chơn Thành về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.
3	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 2, khu phố 4, phường Hưng Long	2.00	CLN	Phường Hưng Long	6,000.00		6,000.00					Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND huyện Chơn Thành về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.
4	Cải tạo môi trường, nạo vét suối, xây dựng đường giao thông, vỉa hè, cây xanh, kè mái ta luy suối Bến Đình, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (nay là phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	2.90		Phường Hưng Long	18,000.00		18,000.00					Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND huyện Chơn Thành về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

5	Cải tạo môi trường, nạo vét suối, chống sạt lở, đường giao thông, trồng cây xanh, kè mái ta luy Suối Đôi, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (nay là phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	3.24		Phường Hưng Long	72,000.00		72,000.00					Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND huyện Chơn Thành về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.
6	Cải tạo môi trường, nạo vét suối, xây dựng đường giao thông, vỉa hè, cây xanh, kè mái ta luy suối Bàu Bàng, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (nay là phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	1.67		Phường Hưng Long	12,000.00		12,000.00					Quyết định số 912/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND huyện Chơn Thành
7	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 4B, ấp 2, xã Minh Hưng (nay là khu phố 2, phường Minh Hưng) (đường số 82)	0.50	CLN	Phường Minh Hưng	12,000.00		12,000.00					Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 và Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND huyện Chơn Thành về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

8	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 5B, ấp 2, xã Minh Hưng (nay là khu phố 2, phường Minh Hưng) (đường số 83)	0.50	CLN	Phường Minh Hưng	12,000.00		12,000.00					Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 và Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND huyện Chơn Thành về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.
9	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 4 - tổ 7, ấp 12, xã Minh Hưng (nay là khu phố 12, phường Minh Hưng) (đường số 22)	1.30	CLN	Phường Minh Hưng	32,000.00		32,000.00					Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 và Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND huyện Chơn Thành về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.
10	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 2 - tổ 3, ấp 5, xã Minh Hưng (nay là khu phố 5, phường Minh Hưng) (đường số 10)	2.50	CLN	Phường Minh Hưng	35,000.00		35,000.00					Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 và Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND huyện Chơn Thành về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

11	Đường nhựa liên ấp 1 đi ấp 3A, xã Minh Hưng (nay là khu phố 3A, phường Minh Hưng) (đường ĐH 03)	1.50	CLN	Phường Minh Hưng	4,579.37		4,579.37					Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND huyện về việc phê duyệt Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng đường nhựa liên ấp 1 đi ấp 3A xã Minh Hưng
12	Đường nhựa liên ấp từ ấp 2 đi ấp 3B, xã Minh Hưng (nay là khu phố 3B, phường Minh Hưng) (đường số 19)	2.50	CLN	Phường Minh Hưng	5,459.92		5,459.92					Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND huyện về việc phê duyệt Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng đường nhựa liên ấp 2 đi ấp 3B xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
13	Nâng cấp đường Minh Hưng - Minh Thạnh, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (nay là thị xã Chơn Thành, tỉnh bình Phước) (đường ĐH 04)	5.00	CLN	Phường Minh Hưng	60,000.00		60,000.00					Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình nâng cấp đường Minh Hưng-Minh Thạnh

14	Đường ĐH 01 (Nha Bích - Minh Thành - Minh Hưng): Kết nối xã Nha Bích với phường Minh Thành và phường Minh Hưng	3.00	CLN	Phường Minh Hưng	56,000.00		56,000.00					Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Đường ĐH 01 (Nha Bích - Minh Thành - Minh Hưng): Kết nối xã Nha Bích với phường Minh Thành và phường Minh Hưng
15	Đường ĐH 05 (ngã tư Ngọc lầu - Minh Hưng): Kết nối phường Minh Long với phường Minh Hưng ra TTHC thị xã Chơn Thành)	6.00	CLN	Phường Minh Hưng	69,000.00		69,000.00					Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Đường ĐH 05 (ngã tư Ngọc Lầu - Minh Hưng): Kết nối phường Minh Long với phường Minh Hưng ra TTHC thị xã Chơn Thành

16	Đường ĐH 15 (ranh Minh Hưng - Chơn Thành): Kết nối phường Hưng Long (thị trấn Chơn Thành) với phường Minh Hưng	6.00	CLN	Phường Minh Hưng	62,000.00		62,000.00					Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Đường ĐH 15 (ranh Minh Hưng - Chơn Thành): Kết nối phường Hưng Long (thị trấn Chơn Thành) với phường Minh Hưng
17	Xây dựng đường tổ 7B từ QL13 đến cao tốc Chơn Thành - Hoa Lư (phía Tây QL13), huyện Chơn Thành (nay là thị xã Chơn Thành)	9.26	CLN	Phường Minh Hưng	80,000.00		80,000.00					Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND huyện Chơn Thành quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C của tỉnh giai đoạn 2021-2025.
18	Nâng cấp, mở rộng trục chính khu phố 1, phường Minh Thành	0.12	CLN	Phường Minh Thành	15,000.00		15,000.00					Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND huyện Chơn Thành về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022.

19	Tuyến cao tốc Gia nghĩa (Đăk Nông - Chơn Thành - Bình Phước)	38.09	CLN,ONT, DGT,DTL, LUK và các loại đất khác	Minh Thành, Nha Bích, Minh Thắng	3,000,000.00	335,000.00			898,500.00		1,766,500.00	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022
20	Xây dựng đường Phùng Hưng, thị trấn Chơn Thành (nay là phường Hưng Long)	10.44	CLN	Phường Hưng Long, phường Minh Long	160,000.00		160,000.00					Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 25/7/2022 của HĐND huyện Chơn Thành thông qua chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025.
21	Đường tổ 7, khu phố 5 (đoạn qua cùng bàn ngập hệ thống thủy lợi Phước Hòa	0.96	CLN, DTL	Phường Minh Thành								Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 08/8/2011 của UBND tỉnh. Người dân tự nguyện trả lại đất, không bồi thường để làm đường giao thông
22	Xây dựng đường từ trung tâm hành chính huyện đi xã Quang Minh kết nối khu công nghiệp Becamex (ĐH 12)	16.14	CLN	Phường Minh Hưng	100,000.00		100,000.00					Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh
23	Xây dựng Đường N3 nối dài (từ Lạc Long Quân đến đường 02 tháng 4)	0.58	CLN	Phường Hưng Long	80,000.00		80,000.00					Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 26/11/2022 của HĐND thị xã Chơn Thành

IV	**Huyện Phú Riềng**	**76.52**										
1	Nâng cấp, mở rộng đường liên Long Hưng đi Bình Sơn, huyện Phú Riềng	10.15	CLN, SON, ONT	Long Hưng, Bình Sơn	15,000.00		500.00			14,500.00		Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 22/3/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Phú Riềng
2	Nâng cấp, mở rộng đường liên Long Hưng đi Long Bình, huyện Phú Riềng	20.30	CLN, SON, ONT	Long Hưng, Long Bình	25,000.00		1,000.00			24,000.00		Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 22/3/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Phú Riềng
3	Xây dựng hệ thống vỉa hè, hạ tầng kỹ thuật và san lấp mặt bằng khu dân cư Phú Riềng (13,9 ha)	13.90	CLN, SON, ONT	Bù Nho	20,500.00		2,000.00			18,500.00		Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 22/3/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Phú Riềng
4	Đường GTNT thôn Phú Bình đến trung tâm: Đoạn 2: Từ QL14 đến tiếp giáp ĐT753B dài 500m	0.70	CLN, ONT	Phú Trung	3,500.00		Không bồi thường			3,500.00		Quyết định số 3069/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND huyện Phú Riềng
5	Đường ĐT.759 - ông Nhi (đoạn ông Sám đến ông Nhi)	2.00	CLN, ONT	Phước Tân	7,000.00		500.00			6,500.00		Quyết định số 3068/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND huyện
6	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình xây dựng đường dọc Sông Bé - Giai đoạn 2	25.00	CLN, SON, ONT	Long Tân, Long Hà, Long Bình	40,000.00		3,000.00			37,000.00		Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 22/3/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Phú Riềng

7	Nâng cấp thảm nhựa, lát vỉa hè đường ĐH.312 đoạn trước đền thờ Vua Hùng - huyện Phú Riềng (Tuyến nhánh 01 - ngã tư Cầu đường – đường ĐT.741)	1.33	CLN, ONT	Phú Riềng	28,000.00		Không bồi thường			28,000.00		Quyết định số 4311a/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của UBND huyện
8	Xây dựng Công viên - Quảng trường trung tâm huyện Phú Riềng	2.71	CLN, SON, NTS, ONT	Bù Nho	25,000.00		4,000.00			21,000.00		Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND huyện
9	Xây dựng 04 phòng học lầu trường TH Phú Riềng B (điểm thôn Phú Thuận)	0.02	CLN	Phú Riềng	3,500.00		100.00			3,400.00		3065/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện Phú Riềng
10	Xây dựng 10 phòng học lầu trường TH và THCS Trần Phú (điểm thôn Bình Trung)	0.04	CLN	Phước Tân	6,740.00		200.00			6,540.00		Quyết định số 3140/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND huyện Phú Riềng
11	Xây dựng 06 phòng học lầu trường TH Vừ A Dính (điểm lẻ Thôn 7)	0.06	CLN	Long Bình	4,000.00		300.00			3,700.00		Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 22/3/2023 của HĐND huyện Phú Riềng
12	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Phú Tâm, Phú Trung	0.30	CLN	Phú Trung	1,138.67		Không bồi thường			1,105.87	32.80	Quyết định số 3069/QĐ-UBND ngày 28/9/2022
V	**Huyện Lộc Ninh**	**0.51**										
1	Đường liên Lộc Điền - Lộc Quang	0.03	CLN	Lộc Điền	1.00		0.03			x		QĐ 5161/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND huyện về phân bổ vốn xây dựng nông thông mới

2	Xây dựng công trình quốc phòng SB-2021 của Bộ CHQS tỉnh Bình Phước	0.48	CLN	Lộc Tấn, Lộc Hòa, Lộc Thiện			0.19				x	Quyết định số 35/QĐ-TM ngày 06/01/2023 của Bộ Tổng tham mưu, Công văn số 1217/BCH-HC ngày 14/4/2023 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
VI	**Huyện Bù Đốp**	**22.05**										
1	XD đường vành đai từ đường Lê Duẫn (ĐT 759) đi Thiện Hưng	2.70	ODT;CLN; CHN	TT Thanh Bình	70.00		35.00			35.00		QĐ số 1885/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện Bù Đốp
2	XD đường GTNT từ ĐT 759B đi ấp 4 Hưng Phước (khu tái định cư đập thủy lợi Bù Tam) ra đường tuần tra biên giới, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	0.68	CLN	Hưng Phước	14.95		0.15			14.85		QĐ số 1885/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện Bù Đốp
3	XD đường giao thông từ trung tâm Thanh Hòa đi cầu Bình Thắng kết nối với huyện Bù Gia Mập	3.00	ONT;CLN	Thanh Hòa	66.00	6.00				60.00		QĐ số 2359/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước
4	Nâng cấp đường ĐT ĐT 759 B đoạn từ Chợ Tân Thành đi cửa khẩu Cầu Trắng - Giai đoạn 2	2.20	ONT;CLN; CQP	Tân Thành	68.00	8.00				60.00		QĐ số 2359/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước,

5	Xây dựng đường điện cho khu dân cư liền kề Đồn Biên phòng Bù Đốp tại Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	0.42	CLN	Hưng Phước	0.30			0.02		0.28		QĐ số 1965/QĐ-BQP ngày 31/3/2020 của bộ Quốc phòng; QĐ 4327/QĐ-BĐBP ngày 17/10/2022 của tư lệnh bộ quốc phòng
6	Nâng cấp láng nhựa đường từ đường ĐT759B đi rừng đầu nguồn Phước Thiện, huyện Bù Đốp	3.04	RSX	Phước Thiện	22.00		0.00			22.00		Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện
7	XD đường GTNT từ tổ 6 thôn 1 đi tổ 6 thôn 7 Thiện Hưng	0.60	CLN	Thiện Hưng	14.00					14.00		Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện
8	XD công trình quốc phòng SB-2021 của Bộ CHQS tỉnh Bình Phước	0.72	CLN	Thiện Hưng	0.28					0.28		Quyết định số 35/QĐ-TM ngày 06/01/2023 của Bộ Tổng Tham mưu (mật)
9	XD đường vào các Đồn Biên phòng Đắk Ơ huyện Bù Gia Mập, Phước Thiện huyện Bù Đốp, Lộc An huyện Lộc Ninh, Lộc Thiện huyện Lộc Ninh đi dường tuần tra biên giới	8.33	RSX, RPH	Phước Thiện	150.00				150.00			QĐ số 3284/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bình Phước, QĐ số 2359/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước
10	Đường GTNT Cây Xoài ấp Bù Tam đi dường tuần tra Biên Giới Hưng Phước	0.35	CLN	Hưng Phước	3.50					3.50		QĐ số 1885/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện Bù Đốp
VII	**Huyện Bù Gia Mập**	**386.39**										

1	Xây dựng đường vành đai ngoài TTHC huyện (đoạn từ ĐT 741 đến ĐT760)	8.50	CLN; ONT	xã Phú Nghĩa	25,000.00		22,750.00			2,250.00		Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc Giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 - huyện Bù Gia Mập
2	Hoàn thiện các tuyến đường khu TTHC huyện	0.69	CLN; ONT	xã Phú Nghĩa	32,000.00		29,000.00			3,000.00		Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc Giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 - huyện Bù Gia Mập
3	Dự án xã Đăk Ơ, huyện Bù Gia Mập	14.41	CLN; ONT	Xã Đắk Ơ	51,750.00			51,450.00			300.00	Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 16/03/2023 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc giao chi tiết kế hoạch vốn chương trình mục tiêu quốc gia phát triển Kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 (đợt 1)

4	Dự án xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập	4.34	CLN; ONT	Xã Bù Gia Mập	78,182.00			76,182.00			2,000.00	Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 16/03/2023 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc giao chi tiết kế hoạch vốn chương trình mục tiêu quốc gia phát triển Kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 (đợt 1)
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Đa Kia	0.18	CLN	xã Đa Kia	30,000.00		30,000.00			100.00		Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc Giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 - huyện Bù Gia Mập
6	Xây dựng các hồ chứa nước nhỏ tại các xã Bù Gia Mập, Đăk Ơ, Đa Kia	3.50	HNK; CLN: ONT	Bù Gia Mập; Đăk Ơ; Đa Kia	20,000		16,500			3,500		Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc Giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 - huyện Bù Gia Mập
7	Dự án di dời và ổn định dân di cư tự do ra khỏi lâm phần rừng phòng hộ BQLRPH Đăk Mai	33.27	RSX	Đắk Ơ								Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/20019

8	Dự án di dời và ổn định dân di cư tự do ra khỏi lâm phần rừng phòng hộ BQLRPH Bù Gia Phúc	36.50	RSX	Phú Nghĩa								Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/20019
9	Cấp đất cho các hộ dân khiếu nại kéo dài, do cấp chồng GCNQSD đất trong lâm phần tại thôn 3, xã Phú Văn	45.00	RSX	Phú Văn								Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 09/11/2022
10	Các dự án đầu tư phát triển kinh tế (quy hoạch Khu nông nghiệp công nghệ cao)	240.00	RSX	Đắk Ơ								Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021
VIII	**Huyện Hớn Quản**	**1.88**										
1	Khu dân cư Thanh Bình	1.88	CLN	Thanh Bình	2,000.00	2,000.00						Quyết định 1428/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND tỉnh
IX	**Huyện Đồng Phú**	**141.35**										
1	Xây dựng đường xuyên tâm Tân Hưng - Tân Lập	47.52	ONT, CLN	Xã Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Tiến, Tân Lập	180.000		48.800			131.200		Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện: Thông qua vốn đầu tư công
2	Đầu tư xây dựng nối dài các đường tổ đấu nối với đường ĐH KCN Phía Tây Nam Đồng Xoài, xã Tân Tiến (tổ 1, tổ 5, tổ 17, tổ 29, tổ 39, tổ 46…)	1.22	ONT, CLN	đường Tổ 29, Tổ 47, xã Tân Tiến	10.000					10.000		Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện: Thông qua vốn đầu tư công

3	Đầu tư xây dựng nối dài các đường tổ đấu nối với đường ĐH KCN Phía Tây Nam Đồng Xoài, xã Tân Lập (tổ 20, tổ 26, tổ 30, tổ 36, tổ 46…)	1.26	ONT, CLN	đường Tổ 20, Tổ 26, Tổ 36 xã Tân Lập	9.900					9.900		Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện: Thông qua vốn đầu tư công
4	Nâng cấp láng nhựa đường GTNT từ ĐH Đồng Tiến - Tân Phú đến đường Bào Cua xã Tân Phước (TAPOM 7 - DTI 18)	0.21	CLN	xã Tân Hưng, Tân Phước	1.200					1.200		Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện: Thông qua vốn đầu tư công
5	Xây dựng các tuyến đường khu TTHC xã Tân Lợi	0.75	ONT, CLN	xã Tân Lợi	2.500					2.500		Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện: Thông qua vốn đầu tư công
6	Xây dựng đường số 3, 5, 7, 10, 11, 12 khu TTHC xã Tân Hưng	1.23	ONT, CLN	xã Tân Hưng	2.500					2.500		Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện: Thông qua vốn đầu tư công
7	Xây dựng đường đoạn nối tiếp từ Tổ 4, ấp Đồng Búa, xã Thuận Phú đi ngã tư Bảy Thạnh, xã Thuận Lợi	0.38	ONT, CLN	xã Thuận Phú	4.680					4.680		Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện: Thông qua vốn đầu tư công

8	Tuyến số 2:(theo quy hoạch là tuyến kết nối số 03): Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km53+435), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km32+600); Quy mô: Chiều dài tuyến 4,2/9,8 Km, lộ giới 65m.	0.65	CLN	xã Tân Lập, Tân Hòa	46.132		18.866			27.266		Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện: Điều chỉnh chủ trương
9	Xây dựng 04 phòng chức năng, nhà thi đấu đa năng, nhà xe, đường vào Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Lợi	0.09	ONT, CLN	xã Tân Lợi	250					250		Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện
10	Tuyến cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	42.66	CLN, ONT, DGT, DTL và các loại đất khác	Tân Hưng, Tân Phước, Đồng Tiến, Đồng Tâm	3,000.000	436.000			797.500		1,766.500	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh: Điều chỉnh vốn đầu tư công
11	Xây dựng đường giao thông kết nối từ ĐT. 758 xã Thuận Phú đến ranh huyện Phú Riềng	4.52	ONT, CLN	xã Thuận Phú	8.000	0.0	0.0	0.0	0.0	8.000	0.0	Nghị quyết số 10/NĐ-HĐND ngày 26/4/2023 - Phê duyệt Chủ trương đầu tư.
12	Nâng cấp mở rộng đường giao thông xã Tân Hòa đi xã Tân Lợi	11.50	ONT, CLN	xã Tân Hòa, Tân Lợi	90.000	0.0	0.0	0.0	0.0	90.000	0.0	Nghị quyết số 11/NĐ-HĐND ngày 26/4/2023 - Phê duyệt Chủ trương đầu tư.

13	Xây dựng đường từ ĐT.741 vào Khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	2.10	ONT, CLN	xã Tân Lập	10.900	0.0	9.556	0.0	0.0	1.344	0.0	Nghị quyết số 34/NĐ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh - Phê duyệt Chủ trương đầu tư.
14	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 753 giai đoạn 1 (đoạn từ ngã 4 Sóc Miên thành phố Đồng Xoài đến đường Đồng Phú Bình Dương)	27.26	ONT, CLN, DGT, DTL	xã Tân Phước, Tân Hưng	480.000	15.000			232.266		232.734	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh: Điều chỉnh chủ trương đầu tư
X	**Huyện Bù Đăng**	**75.20**										
1	Xây dựng 15 phòng học, các phòng và các hạng mục khác Trường TH Phú Sơn, xã Phú Sơn	0.60	CLN	Phú Sơn	7,800		X					Nghị quyết 07/2022/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND huyện Bù Đăng
2	Đường liên xã khu 23, xã Bình Minh đi Bom Bo	1.50	CLN	Bom Bo	4,000		X					Nghị quyết 07/2022/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND huyện Bù Đăng
3	Đường liên thôn ngã ba tình nghĩa thôn 2, đi thôn 7 xã Bình Minh dài 2,5km	1.50	CLN	Bình Minh	5,000		X					Nghị quyết 07/2022/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND huyện Bù Đăng
4	Xây dựng đường ĐH10 từ đầu tuyến KCN Minh Hưng 2	22.10	CLN	Minh Hưng	43,000		X					Nghị quyết 07/2022/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND huyện Bù Đăng

5	Xây dựng đường ĐH18 Nghĩa Bình đi Nghĩa Trung	7.20	CLN	Nghĩa Bình	20,000		X					Nghị quyết 07/2022/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND huyện Bù Đăng
6	Cầu nối xã Đức Liễu và xã Phước Sơn	0.50	CLN	Đức Liễu, Phước Sơn	15,000		X					Nghị quyết 07/2022/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND huyện Bù Đăng
7	Thảm nhựa đường ngã 3 thôn Đak La hướng đi xã Thọ Sơn	1.30	CLN	Thọ Sơn, Phú Sơn, Đak Nhau			X					Nghị quyết 07/2022/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND huyện Bù Đăng
8	Xây dựng đường ĐH16 đi chùa Thanh Đức	1.70	CLN	Đức Liễu	5,000		X					Nghị quyết 07/2022/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND huyện Bù Đăng
9	Nâng cấp vỉa hè, mương thoát nước, điện chiếu sáng đường Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Đức Phong	9.50	CLN	Đức Phong	8,000		X					Nghị quyết 07/2022/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND huyện Bù Đăng
10	Xây dựng đường ngã ba ông Dương đi chùa Thanh Phước A La Nhã, ấp 7, xã Phước Sơn	1.20	CLN	Phước Sơn	3,800		X					Quyết định 2237/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của UBND huyện Bù Đăng
11	Xây dựng đường D1 nối dài thị trấn Đức Phong đi xã Minh Hưng, xã Minh Hưng	4.00	CLN	Bình Minh	25,000		X					Nghị quyết 07/2022/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND huyện Bù Đăng

12	Xâm nhập nhựa đường Ngã 3 ông Tám vào Ngã 3 Nông trường Phú Thịnh (02 đoạn), xã Thống Nhất	1.00	CLN	Thống Nhất	4,500		X					Nghị quyết 07/2022/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND huyện Bù Đăng
13	Xây dựng đường ĐH18 đi quanh hồ Minh Hưng	1.20	CLN	Minh Hưng	15,000		X					Nghị quyết 07/2022/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND huyện Bù Đăng
14	Cầu Sơn Lang (qua Sông Lấp), xã Phú Sơn	1.00	CLN	Phú Sơn	6,000		X					Nghị quyết 07/2022/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND huyện Bù Đăng
15	Nạo vét cầu 23 đến chợ Bù Na, xã Nghĩa Trung	1.00	CLN	Nghĩa Trung	6,000		X					Nghị quyết 07/2022/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND huyện Bù Đăng
16	Thâm nhập nhựa đường đồi sao thôn 1 đi thôn 2 nối dài, xã Đường 10	0.80	CLN	Đường 10	5,000		X					Nghị quyết 07/2022/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND huyện Bù Đăng
17	Xây dựng đường liên xã Đak Nhau, huyện Bù Đăng tới xã Đak Ngo, huyện Tuy Đức	5.00	CLN	Đak Nhau	50,000		X					Nghị quyết 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND huyện Bù Đăng
18	Xây dựng Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện Bù Đăng	1.50	CLN	Đức Phong	25,000		X					Nghị quyết 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND huyện Bù Đăng

19	Đường thâm nhập nhựa đường đi thôn 9, xã Thống Nhất (7km)	12.60	CLN	Thống Nhất	14,000		X					Quyết định 2344/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện Bù Đăng
	Tổng cộng	**940.80**										

Ghi chú (*):

CLN: Đất trồng cây lâu năm

CHN: Đất trồng cây hàng năm

RSX: Đất trồng rừng sản xuất

RPH: Đất rừng phòng hộ

ONT: Đất ở tại nông thôn

NTS: Đất nuôi trồng thủy sản

SON: Đất sông suối và MNCD

DGT: Đất giao thông

Phụ lục 02: DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH TÊN, DIỆN TÍCH DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 24/2022/NQ-HĐND NGÀY 09 THÁNG 12 NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Tại Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh đã phê duyệt:

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện (triệu đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW…)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW…)		
I	**Thành phố Đồng Xoài**												
1	Nâng cấp, mở rộng ĐT.753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu	23.40	ODT, ONT, CLN, DGT, DTL và các loại đất khác	Tân Thiện, Tân Xuân	655,000.0	40,000			382,000		233,000	Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh	
2	Tuyến cao tốc Gia Nghĩa (Đăk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	117.48	CLN, ONT, DGT, DTL và các loại đất khác	Tiến Hưng Tân Xuân Tân Thành	3,000,000.0	587,380			585,614		1,233,000	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022	
3	Đường Hai Bà Trưng nối dài (còn 07 hộ)	0.04	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Phú	6,000.0		5,000			1,000		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh	
II	**Huyện Phú Riềng**												

1	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường gom (đoạn 2) TTHC huyện Phú Riềng	1.50	CLN	Bù Nho	41,200.0		1,200			40,000		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021	
2	Xây dựng đường từ trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân	20.50	CLN, ONT	Bù Nho, Phú Riềng, Bình Tân	32,200.0		2,200			30,000		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021	
III	**Huyện Lộc Ninh**												
1	Trường tiểu học và THCS Lộc Phú	2.40	CLN	Lộc Phú			1,400			x		Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh	
IV	**Thị xã Chơn Thành**												
1	Khu công nghiệp và dân cư Becamex - Bình Phước	2,009.10	CLN	Hưng Long, Minh Thành, Thành Tâm	2,138,782			2,138,782				Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021	
V	**THị xã Bình Long**												
1	Nâng cấp, mở rộng đường TPT2	3.00	CLN	Thanh Phú	29,500	1,300.00				28,200		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021	
Nay điều chỉnh thành:													
						Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			**Kinh phí thực hiện**				

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW…)				Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	**Thành phố Đồng Xoài**												
1	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 753 giai đoạn I (đoạn từ ngã 4 Sóc Miên thành phố Đồng Xoài đến đường Đồng Phú-Bình Dương)	5,74	ODT, CLN, DGT, DTL và các loại đất khác	Tân Thiện, Tân Xuân	480.000	40.000			207.266		232.734	Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Do sai sót trong quá trình tổng hợp
2	Tuyến cao tốc Gia Nghĩa (Đăk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	148.00	ODT, CLN, ONT, DGT, DTL và các loại đất khác	Tiến Hưng Tân Xuân Tân Thành	3.000.000	587.380			646.120		1.766.500	Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Do sai sót trong quá trình tổng hợp
3	Đường Hai Bà Trưng nối dài (còn 07 hộ). Tên theo Quyết định phê duyệt: GPMB + Chỉnh trang vỉa hè, ngã rẽ Hai Bà Trưng	0,09	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Phú	6.000		5.000			1.000		Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Do sai sót trong quá trình tổng hợp
II	**Huyện Phú Riềng**												
1	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường gom (đoạn 2) TTHC huyện Phú Riềng	4.10	CLN, ONT	Bù Nho	40,000.0		3,000			37,000		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021	Do sai sót trong quá trình tổng hợp

2	Xây dựng đường từ trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân	24.30	CLN, SON, ONT	Bù Nho, Phú Riềng, Bình Tân	30,000.0		1,000			29,000		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021	Do sai sót trong quá trình tổng hợp
III	**Huyện Lộc Ninh**												
1	Trường tiểu học và THCS Lộc Phú	2.48	CLN	Lộc Phú	37.5		x		x			Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh	đã đo đạc lại bản đồ địa chính và đã thông qua kinh phí thực hiện dự án
IV	**Thị xã Chơn Thành**												
1	Khu công nghiệp và dân cư Becamex - Bình Phước	2,009.10	CLN, LUK (9,79 ha)	Hưng Long, Minh Thành, Thành Tâm	2,138,782			2,138,782				Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021	Bổ sung loại đất thu hồi LUK (9,79 ha)
V	**THị xã Bình Long**												
1	Nâng cấp, mở rộng đường TPT2	1.22	CLN	Thanh Phú	29,500		800			28,700		Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 28/09/2022 của UBND thị xã Bình Long	Do thay đổi chủ đầu tư: từ Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long sang Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bình Long